

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN B
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2021/DS-ST

Ngày: 19/01/2021

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Kim Yến

2. Ông Trần Văn Phú

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Thương - Cán bộ Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 248/2020/TLST-DS ngày 26 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp “Hợp đồng vay tiền” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 544/2020/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 318/2020/QĐST-DS ngày 29 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hứa Thị Kim T, sinh năm 1988

Địa chỉ: 51/14 đường Đ, Phường X, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Hữu T1, sinh năm 1981

Giấy ủy quyền công chứng số 2058 quyền số 02 ngày 07/02/2020 tại Văn phòng Công chứng B, TPHCM.

Địa chỉ: 45N/6 đường N, phường B, thành phố A, tỉnh Bình Dương. (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Phạm Thành L, sinh năm 1973 (Vắng mặt)

Bà Phạm Thị Kim H, sinh năm 1968 (Có đơn xin vắng mặt)

Bà Nguyễn Thị Thanh P, sinh năm 1979 (Có mặt)

Địa chỉ: 51/14 Điện Biên Phủ, Phường 15, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, Bà Hứa Thị Kim T, lời khai và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì:

Ngày 21/9/2018 các bị đơn là Bà Phạm Thị Kim H, Bà Nguyễn Thị Thanh P và Ông Phạm Thành L cùng ký Hợp đồng vay tiền công chứng số 24885 quyền số 09 ngày 21/9/2018 tại Văn phòng công chứng B, TPHCM để vay của Bà Hứa Thị Kim T số tiền 300.000.000đ, thời hạn vay: 06 tháng, lãi suất: 1%/tháng. Sau khi ký hợp đồng, các bị đơn nhận đủ số tiền vay. Nhưng cho đến nay các bị đơn vẫn chưa trả cho Bà T

cả tiền gốc và tiền lãi. Do đó Bà T khởi kiện yêu cầu các đồng bị đơn là Bà Phạm Thị Kim H, Bà Nguyễn Thị Thanh P và Ông Phạm Thành L liên đới hoàn trả khoản nợ gốc 300.000.000đ và thanh toán tiền lãi tạm tính tới ngày 21/02/2020 là 300.000.000đ x 17tháng x 1%/tháng = 51.000.000đ.

Tại các biên bản hòa giải, nguyên đơn do ông Lê Hữu T1 trình bày, do các bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận tại hợp đồng vay tiền ngày 21/9/2018 nên nguyên đơn yêu cầu các đồng bị đơn là Bà Phạm Thị Kim H, Bà Nguyễn Thị Thanh P và Ông Phạm Thành L có trách nhiệm liên đới hoàn trả khoản nợ gốc là 300.000.000đ và thanh toán tiền lãi tạm tính tới tháng 9/2020 là: 101.689.000đ. Cụ thể như sau:

- Lãi trong hạn từ 22/9/2018 đến 22/3/2019: $300.000.000đ \times 1\% \times 6 \text{ tháng} = 18.000.000đ$;
- Lãi đối với khoản lãi chậm trả: $18.000.000đ \times 0,83\% \times 18 \text{ tháng} = 2.689.000đ$;
- Lãi trên nợ gốc quá hạn từ 22/3/2019 đến 18/9/2020: $300.000.000đ \times 1,5\% \times 18 \text{ tháng} = 81.000.000đ$.

Tổng cộng tiền gốc và lãi là 401.689.000đ. Lãi tiếp tục tính kể từ ngày 19/9/2020 theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng vay là 1,5%/tháng cho đến khi thực trả hết nợ gốc. Yêu cầu thanh toán hết một lần khoản tiền trên ngay khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Án phí do các bị đơn chịu.

Bị đơn:

- Ông Phạm Thành L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, triệu tập để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng Ông L không đến Tòa án làm việc và không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của Ông L.

- Bà Phạm Thị Kim H hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Chí Hòa theo kết quả trả lời xác minh của Trại tạm giam Chí Hòa theo văn bản số 1294/PC11A-Đ1 ngày 12/6/2020, Bà H đã có đơn xin vắng mặt và có bản tự khai như sau: Bà H xác nhận có cùng với Bà P và ông L vay số tiền 300.000.000đ của bà T theo Hợp đồng vay tiền công chứng số 24885 quyền số 09 ngày 21/9/2018 tại Văn phòng công chứng B. Sau khi ký hợp đồng chúng tôi đã nhận đủ tiền vay và cho đến nay vẫn chưa trả được cả gốc và lãi cho Bà T. Số tiền vay này là nợ riêng của Bà H, không liên quan đến người khác. Do Ông L bị bệnh, Bà P đã bỏ đi khỏi địa phương nên Bà H đồng ý trả nợ thay cho Bà P và Ông L, mỗi tháng trả 3.000.000đ cả gốc và lãi cho đến khi hết nợ.

- Bà Nguyễn Thị Thanh P trình bày: Tôi xác nhận có cùng với Bà H và Ông L vay số tiền 300.000.000đ của Bà T theo Hợp đồng vay tiền công chứng số 24885 quyền số 09 ngày 21/9/2018 tại Văn phòng công chứng B. Sau khi ký hợp đồng chúng tôi đã nhận đủ tiền vay. Số tiền vay này được chia cụ thể như sau:

- * Bà H vay 100.000.000đ;
- * Bà P vay 100.000.000đ;
- * Ông L vay 100.000.000đ.

Sau khi nhận tiền vay, Ông L đưa toàn bộ 100.000.000đ cho tôi làm ăn.

Thực tế sau khi ký hợp đồng vay tiền tại phòng công chứng, Bà T còn yêu cầu chúng tôi viết giấy vay nợ khác, số tiền vay 300.000.000đ, lãi suất 5%/tháng và tôi có thể chấp lại cho Bà T 1 giấy tờ kê khai tài sản năm 1999 của căn nhà 51/14 Điện Biên Phủ, Phường 15, quận B. Sau đó tôi đã có trả 1 tháng tiền lãi của số tiền gốc 300.000.000đ là 15.000.000đ và 23 ngày tiền lãi của số tiền gốc 200.000.000đ là 6.900.000đ. Tổng cộng số tiền lãi tôi đã trả cho Bà T là 21.900.000đ.

Cho đến nay cả 3 người chúng tôi chưa trả tiền gốc cho Bà T đúng hạn, nên tôi đồng ý thay Anh L trả cho Bà T số tiền gốc 200.000.000đ và tiền lãi sau khi đã trừ đi 21.900.000đ tiền lãi tôi đã trả cho Bà T, mỗi tháng tôi sẽ trả 3.000.000đ. Còn số tiền vay 100.000.000đ của Chị H vay sẽ do Chị H trả cho Bà T. Sau khi tôi trả hết tiền gốc và lãi cho Bà T thì tôi yêu cầu Bà T trả lại tôi tờ kê khai tài sản năm 1999.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn do Ông Lê Hữu T1 là người đại diện ủy quyền trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu các bị đơn là Ông Phạm Thành L, Bà Phạm Thị Kim H, Bà Nguyễn Thị Thanh P có trách nhiệm liên đới trả cho Bà Hứa Thị Kim T số tiền nợ gốc phát sinh từ Hợp đồng vay tiền công chứng số 24885 quyền số 09 ngày 21/9/2018 tại Văn phòng công chứng B, TPHCM là 300.000.000đ và thanh toán tiền lãi là : 119.821.860 đồng. Cụ thể như sau:

- Lãi trong hạn từ 22/9/2018 đến 22/3/2019: $300.000.000đ \times 1\% \times 6 \text{ tháng} = 18.000.000đ$;
- Lãi đối với khoản lãi chậm trả từ ngày 23/3/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (19/01/2021): $18.000.000đ \times 0,83\% \times 21 \text{ tháng } 27 \text{ ngày} = 3.271.860đ$;
- Lãi trên nợ gốc quá hạn từ 23/3/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (19/01/2021): $300.000.000đ \times 1,5\% \times 21 \text{ tháng } 27 \text{ ngày} = 98.550.000đ$

Tổng cộng tiền gốc và lãi là 419.821.860đ. Yêu cầu thanh toán hết một lần khoản tiền trên ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Án phí do các bị đơn chịu. Lãi tiếp tục tính kể từ ngày 20/01/2021 theo mức lãi suất 1,5%/tháng cho đến khi thực trả hết nợ gốc theo quy định tại điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019.

Bị đơn:

- Ông Phạm Thành L: Vắng mặt.

- Bà Phạm Thị Kim H: Có đơn xin vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị Thanh P trình bày: Tôi xác nhận có cùng với ông L và Bà H vay và còn nợ số tiền gốc 300.000.000đ như yêu cầu khởi kiện của bà T. Khoản tiền vay này là nợ riêng của tôi, không liên quan đến người khác. Về tiền lãi, tôi đã có trả một phần tiền lãi theo lãi suất thỏa thuận riêng sau khi ký hợp đồng vay tiền tại phòng công chứng là 5% tháng, tổng số tiền lãi tôi đã trả là 21.900.000đ nhưng tôi không có giấy biên nhận đã trả tiền cho bà T. Tôi yêu cầu được trả mỗi tháng 3.000.000 đồng bao gồm cả gốc và lãi cho đến khi trả hết nợ và yêu cầu bà T cản trừ số tiền lãi tôi đã trả cho bà T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Trong quá trình xét xử Thẩm phán xác định đúng quan hệ tranh chấp, đúng thẩm quyền giải quyết của Tòa án, xác định vụ kiện thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa; Việc cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện

kiểm sát thực hiện theo đúng quy định từ Điều 170 đến Điều 181 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đúng theo quy định tại Điều 209, 210, 211 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên còn vi phạm về thời hạn tổng đạt Thông báo thụ lý và đưa vụ án ra xét xử.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trình bày của các đương sự tại phiên tòa và quy định tại các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc các bị đơn là Ông Phạm Thành L, bà Phạm Thị Kim H, bà Nguyễn Thị Thanh P liên đới chịu trách nhiệm trả cho Bà Hứa Thị Kim T số tiền nợ gốc 300.000.000 và tiền lãi là 119.821.860 đồng và tiếp tục trả lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong tiền gốc. Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Về án phí dân sự sơ thẩm: Các bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bà Hứa Thị Kim T khởi kiện các bị đơn là Ông Phạm Thành L, bà Phạm Thị Kim H, bà Nguyễn Thị Thanh P yêu cầu trả tiền nợ vay theo Hợp đồng vay tiền công chứng ngày 21/9/2018, đây là hợp đồng vay tài sản phù hợp quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự nên quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, các bị đơn có cùng địa chỉ cư trú tại 51/14 Điện Biên Phủ, Phường 15, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về người tham gia tố tụng và sự có mặt của các đương sự: Nguyên đơn, có người đại diện hợp pháp là Ông Lê Hữu T1 có mặt. Bị đơn, Bà Nguyễn Thị Thanh P có mặt, Bà Phạm Thị Kim H có đơn xin xét xử vắng mặt, Ông Phạm Thành L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp và Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng Ông L vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông L và Bà H.

[3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

[3.1] Xét yêu cầu của Nguyên đơn:

Về tiền nợ gốc: Căn cứ nội dung Hợp đồng vay tiền ngày 21/9/2018 thể hiện: Bên A là Bà Hứa Thị Kim T đồng ý cho Bên B là Ông Phạm Thành L, Bà Phạm Thị Kim H, Bà Nguyễn Thị Thanh P vay số tiền 300.000.000đ trong thời hạn 06 tháng, hợp đồng này đã được Văn phòng công chứng B công chứng số 24885, quyền số 09 ngày 21/9/2018, Bà Phạm Thị Kim H và Bà Nguyễn Thị Thanh P đều có lời khai thừa nhận việc Bà H, Bà P và Ông L có vay và đã nhận đủ số tiền 300.000.000đ của Bà T, thời hạn vay: 06 tháng kể từ ngày ký hợp đồng nêu trên nhưng cho đến nay Bà H, Bà P và Ông L vẫn chưa hoàn trả nợ gốc nên Bà T khởi kiện yêu cầu các bị đơn liên đới hoàn trả 300.000.000đ tiền gốc là phù hợp với quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật dân sự 2015 nên có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tiền nợ lãi: Tại Điều 1 của hợp đồng vay tiền ngày 21/9/2018, hai bên có thỏa thuận về việc trả lãi suất là 1%/tháng và nguyên đơn khai rằng cho đến nay các bị đơn vẫn chưa thanh toán tiền lãi cho nguyên đơn nên yêu cầu này của nguyên đơn là có cơ

sở và phù hợp quy định tại khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015.

Xét lời khai của Bà Phạm Thị Kim H tại bản tự khai ngày 12/8/2020 đã đồng ý cùng với Bà Nguyễn Thị Thanh P và Ông Phạm Thành L trả nợ gốc và lãi theo yêu cầu khởi kiện của Bà T.

Xét lời khai của bà Nguyễn Thị Thanh P về việc Bà T yêu cầu các bị đơn viết giấy vay nợ khác, số tiền vay 300.000.000đ, lãi suất 5%/tháng và Bà có thể chấp lại cho Bà T 01 giấy tờ kê khai tài sản năm 1999 của căn nhà 51/14 đường Đ, phường X, quận B. Sau đó Bà P đã có trả 1 tháng tiền lãi của số tiền gốc 300.000.000đ là 15.000.000đ và 23 ngày tiền lãi của số tiền gốc 200.000.000đ là 6.900.000đ. Tổng cộng số tiền lãi Bà P đã trả cho Bà T là 21.900.000đ. Tòa án đã yêu cầu Bà P nộp tài liệu chứng cứ chứng minh cho lời khai trên nhưng cho đến nay Bà P vẫn không nộp cho Tòa án bất kỳ tài liệu nào chứng minh cho lời khai của mình và nguyên đơn cũng không chấp nhận lời khai này của Bà T. Tòa án cũng đã tổ chức buổi đối chất để các bên tiến hành đối chất các lời khai có mâu thuẫn nhưng Bà P vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành đối chất được. Do đó Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét và chấp nhận các lời khai trên của Bà P.

Từ các nhận định trên, căn cứ khoản 5 Điều 466 và khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc các bị đơn phải thanh toán số tiền lãi là 119.821.860 đồng (tạm tính đến ngày 19/01/2021). Cụ thể như sau:

- Lãi trong hạn từ 22/9/2018 đến 22/3/2019: $300.000.000đ \times 1\% \times 6 \text{ tháng} = 18.000.000đ$;
- Lãi đối với khoản lãi chậm trả từ ngày 23/3/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (19/01/2021): $18.000.000đ \times 0,83\% \times 21 \text{ tháng } 27 \text{ ngày} = 3.271.860đ$;
- Lãi trên nợ gốc quá hạn từ 23/3/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (19/01/2021): $300.000.000đ \times 1,5\% \times 21 \text{ tháng } 27 \text{ ngày} = 98.550.000đ$

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (20/01/2021) cho đến khi thi hành án xong, các bị đơn còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng.

[3.2] Về phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán: Tại phiên tòa Bà P đồng ý thay Ông L và Bà P trả cho bà T số tiền gốc 300.000.000đ và tiền lãi sau khi đã trừ đi 21.900.000đ tiền lãi Bà P đã trả cho bà T, mỗi tháng trả 3.000.000đ cho đến khi hết nợ. Bà H có lời khai đồng ý trả nợ thay cho Bà P và ông L, mỗi tháng trả 3.000.000đ cả gốc và lãi cho đến khi hết nợ. Yêu cầu này của Bà P và Bà H không có căn cứ và không được nguyên đơn đồng ý nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc các bị đơn phải liên đới thanh toán một lần toàn bộ số tiền gốc 300.000.000đ và tiền lãi tạm tính đến ngày xét xử (19/01/2021) là: 119.821.860 đồng cho nguyên đơn ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] Ý kiến của đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa về quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí : Theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: "...bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận...". Do đó, các bị

đơn, Ông Phạm Thành L, bà Phạm Thị Kim H, bà Nguyễn Thị Thanh P, phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 20.792.874 đồng. Hoàn lại cho Bà Hứa Thị Kim T tiền tạm ứng án phí, lệ phí đã nộp là 8.775.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 385, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015
- Điều 26 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;
- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Bà Hứa Thị Kim T.

Buộc các bị đơn, Ông Phạm Thành L, bà Phạm Thị Kim H và Bà Nguyễn Thị Thanh P có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn, Bà Hứa Thị Kim T số tiền 419.821.860 đồng phát sinh từ Hợp đồng vay tiền công chứng số 24885, quyển số 09 ngày 21/9/2018 tại Văn phòng công chứng B, Thành phố Hồ Chí Minh, bao gồm: Nợ gốc: 300.000.000đ; nợ lãi: 119.821.860 đồng (tạm tính đến ngày 19/01/2021).

Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phạm Thành L, Bà Phạm Thị Kim H và Bà Nguyễn Thị Thanh P phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 20.792.874 (Hai mươi triệu bảy trăm chín mươi hai ngàn tám trăm bảy mươi bốn) đồng. Nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoàn lại cho Bà Hứa Thị Kim T số tiền tạm ứng án phí, lệ phí đã nộp là 8.775.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2019/0017697 ngày 20/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Bà Hứa Thị Kim T và Bà Nguyễn Thị Thanh P được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Phạm Thành L và Bà Phạm Thị Kim H vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh được quyền kháng nghị trong hạn 15 ngày, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh được quyền kháng nghị trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày Viện kiểm sát nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh nhận được bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND Quận B;
- THADS Quận B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

Nguyễn Kiều Trang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Phủ

Nguyễn Kim Yến

Nguyễn Kiều Trang

